

Lớp 2:
Chủ đề Gia đình

Part 1:

Câu 1: Kéo thả từ vào chỗ trống hợp lý.

Uncle	Family	Sister	Eight	Daughter	Grandma
Father	Table	Nine	Mother	Eggs	Map
Ruler	Yellow	Old	Pink	Aunt	Grandpa
.....	gia đình				bố
.....	anh, em trai				cháu trai
.....	cháu gái				mẹ
.....	cô, dì				chú
.....	bà				ông
.....	số 9				

Câu 2: Hoàn thành các câu sau.

1. What is your name? My n.....me is
2. Who is this? This isy mo.....her.
3. Who is he? This is my fath.....r.
4. What is this? This is my p.....n

Câu 3: Nối từ tiếng Anh ở cột A với nghĩa tiếng Việt ở cột B

A	B
1. My aunt	a. mẹ của em
2. My father	b. bố của em

3. My mother	c. cô của em
4. My family	d. em trai của em
5. My brother	e. gia đình của em

Câu 4: Đặt câu theo mẫu rồi dịch sang tiếng Việt

1. This/ mother: This is my mother: Đây là mẹ của em.
2. This/ father _____
3. This/ brother _____
4. This/family _____

Part 2:

Bài 1: Hãy điền một chữ cái thích hợp vào chỗ chấm để tạo thành từ có nghĩa:

- | | |
|---------------|---------------|
| 1. bro.....r | 4. Fa.....her |
| 2. mo.....her | 5. a.....nt |
| 3. n.....me | 6. s.....n |

Bài 2: Hoàn thành các câu sau và dịch sang tiếng Việt

1. What.....your name?
2. My.....is Quynh Anh.
3. Howyou?
4. I.....fine. Thank you.
5. What.....this?
6. This is.....mother.

Bài 3: Sắp xếp lại các câu sau:

1. name/ your/ What/ is?

.....

2. Nam / is / My / name.

.....

3. is / this / What?

.....

4. pen / It / a / is.

.....

Bài 4: Dịch các câu sau sang tiếng Anh.

1. Tên của bạn là gì? Tên của mình là Quỳnh Anh

.....

2. Đây là ai? Đây là bố và mẹ của mình.

.....